

Phụ lục 1 – Bảng tham chiếu chứng chỉ Ngoại ngữ sử dụng trong tuyển sinh trình độ tiến sĩ tại ĐHQGHN
(Kèm theo thông báo số /ĐT ngày tháng 04 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ)

Tiếng Anh

Khung năng lực ngoại ngữ VN	IELTS	TOEFL	TOEIC (4 kỹ năng)	Cambridge Exam	Aptis (Hội đồng Anh)	Vietnamese Standardized Test of English Proficiency
Bậc 3	4.5	460 ITP 42 iBT	Reading 275 Listening 275 Speaking 120 Writing 120	A2 Key 140 B1 Preliminary: 140 B2 First: 140 B1 Business Preliminary 140 B2 Business Vantage: 140	B1 (General)	VSTEP.3-5 (4.0)
Bậc 4	5.5	543 ITP 72 iBT	Reading 385 Listening 400 Speaking 160 Writing 150	B1 Preliminary: 160 B2 First: 160 C1 Advanced: 160 B1 Business Preliminary 160 B2 Business Vantage: 160 C1 Business Higher: 160	B2 (General)	VSTEP.3-5 (6.0)

Một số ngoại ngữ khác

Khung năng lực ngoại ngữ VN	tiếng Nga	tiếng Pháp	tiếng Đức	tiếng Trung	tiếng Nhật	tiếng Hàn
Bậc 3	ТРКИ-1	DELFB1 TCFB1	Goethe-Zertifikat B1, TELC Deutsch B1, DSD I, ÖSD -Zertifikat B1, TestDaF-TDN3, ECL B1	HSK Bậc 3	JLPT N3 NAT-TEST 3Q J-TEST (400)	TOPIK II (Bậc 3)
Bậc 4	ТРКИ-2	DELFB2 TCFB2	Goethe-Zertifikat B2, TELC Deutsch B2, DSD II (Viết/nói: 8-11 điểm; Nghe/đọc: 8-13 điểm), ÖSD -Zertifikat B2, TestDaF-TDN4 ECL B2	HSK Bậc 4	JLPT N2 (90) NAT-TEST 2Q (100) J-TEST (600)	TOPIK II (Bậc 4)

Ghi chú: Đối với một số chứng chỉ quốc tế không thông dụng khác, đơn vị đào tạo cần gửi đến Bộ Giáo dục và Đào tạo cho ý kiến về việc quy đổi tương đương.

Phụ lục 2
Danh sách các cơ sở cấp chứng chỉ Ngoại ngữ được công nhận
trong tuyển sinh sau đại học của ĐHQGHN

(Kèm theo thông báo số /ĐT ngày tháng 04 năm 2022 của

Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ)

1. Chứng chỉ ngoại ngữ bậc 3, bậc 4

STT	Cơ sở đào tạo	Chứng chỉ ngoại ngữ được công nhận				
		Tiếng Anh (*)	Tiếng Nga	Tiếng Pháp	Tiếng Trung	Tiếng Đức
1.	Trường ĐH Ngoại ngữ, ĐHQGHN	√	√	√	√	√
2.	Trường ĐH Hà Nội	√	√	√	√	√
3.	Trường ĐH Ngoại ngữ, ĐH Huế	√	√	√	√	
4.	Trường ĐH SP TP. Hồ Chí Minh	√	√	√	√	
5.	Trường ĐH Ngoại ngữ, ĐH Đà Nẵng	√	√			
6.	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	√				
7.	ĐH Thái Nguyên	√				
8.	Trường ĐH Cần Thơ	√				
9.	Trường ĐH Vinh	√				
10.	Học viện An ninh nhân dân	√				

(*) Đối với chứng chỉ ngoại ngữ tiếng Anh: các cơ sở đào tạo có số thứ tự từ 1 đến 8 được cấp từ ngày 15/5/2019, các cơ sở đào tạo còn lại được cấp từ ngày 08/5/2020.

2. Các chứng chỉ tiếng Anh

STT	Cơ sở cấp chứng chỉ	Các chứng chỉ được công nhận				
		IELTS	TOEFL	TOEIC	Cambridge Exam	Aptis
1.	Educational Testing Service (ETS)		√	√		
2.	British Council (BC)	√				√
3.	International Development Program (IDP)	√				
4.	Cambridge ESOL	√			√	

**Phụ lục 3 – Danh mục các ngành/chuyên ngành trình độ đại học/thạc sĩ được xét tuyển
đối với chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ
chuyên ngành Kỹ thuật xây dựng**
(Kèm theo thông báo số /ĐT ngày tháng 04 năm 2022 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ)

TT	Chuyên ngành	Danh mục các ngành/chuyên ngành phù hợp	Danh mục các ngành/chuyên ngành gần
1.	Kỹ thuật xây dựng	<p>Đối tượng có bằng đại học tốt nghiệp các chuyên ngành: Kỹ thuật xây dựng; Công nghệ kỹ thuật xây dựng; Kỹ thuật xây dựng công trình thủy; Kỹ thuật xây dựng công trình biển; Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông; Kỹ thuật cơ sở hạ tầng; Kỹ thuật tài nguyên nước; Địa kỹ thuật xây dựng; Kỹ thuật cấp thoát nước; Cơ kỹ thuật; Kiến trúc; Kiến trúc đô thị.</p> <p>Đối tượng có bằng thạc sĩ các chuyên ngành: Kỹ thuật xây dựng; Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông; Kỹ thuật cơ sở hạ tầng; Địa kỹ thuật xây dựng; Công nghệ kỹ thuật xây dựng; Kỹ thuật xây dựng công trình thủy; Kỹ thuật xây dựng công trình biển; Kỹ thuật xây dựng công trình ngầm; Kỹ thuật xây dựng công trình đặc biệt; Kỹ thuật tài nguyên nước; Kỹ thuật cấp thoát nước; Xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp; Quản lý đô thị và công trình; Kinh tế xây dựng; Quản lý xây dựng; Kiến trúc; Kiến trúc đô thị; Cơ kỹ thuật</p>	

Phụ lục 4 - Danh mục các hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu, đề tài nghiên cứu kèm theo danh sách người hướng dẫn đáp ứng đủ điều kiện hướng dẫn nghiên cứu sinh do Bộ môn Công nghệ Xây dựng – Giao thông phụ trách

(Kèm theo thông báo số /ĐT ngày tháng 04 năm 2022 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ)

Thông tin chung về giảng viên			Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu, đề tài nghiên cứu	Thông tin liên lạc
TT	Họ và tên	Ngành đào tạo		
Bộ môn Công nghệ Xây dựng – Giao thông				
1.	GS.TSKH. Nguyễn Đình Đức	Cơ kỹ thuật	Ổn định tĩnh và động của các tấm và vỏ composite chức năng FGM, Vật liệu và kết cấu composite polyme 3 pha và nano composite, Các nghiên cứu cơ học định hướng ứng dụng, phục vụ thực tiễn, Cấu trúc tổng hợp với sự lan truyền nứt động, Công trình xây dựng và kết cấu composite chịu tải trọng đặc biệt, Vật liệu tổng hợp và phụ áp điện, Vật liệu tổng hợp Nano trong năng lượng tái tạo Composite với cấu trúc không gian (Carbon-carbon composite 3D, 4D), Hỗn hợp polyme polyme và polymer ba pha, Vật liệu và cấu trúc tiên tiến trong Kỹ thuật Xây dựng, Toán học và Cơ học ứng dụng.	ducnd@vnu.edu.vn
2.	TS. Vũ Thị Thùy Anh	Cơ kỹ thuật	Nghiên cứu về sự lan truyền vết nứt trong kết cấu, Nghiên cứu ổn định tĩnh và động các kết cấu làm bằng vật liệu tiên tiến.	anhvutt@vnu.edu.vn
3.	TS. Dương Tuấn Mạnh	Cơ học vật rắn biến dạng	Bài toán va chạm trên vật liệu đàn nhớt	duongtuanmanh@vnu.edu.vn
4.	TS. Phan Hải Đăng	Kỹ thuật cơ khí	Kỹ thuật cơ khí	haidangphan.vn@gmail.com

Thông tin chung về giảng viên			Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu, đề tài nghiên cứu	Thông tin liên lạc
TT	Họ và tên	Ngành đào tạo		
5.	TS. Lê Văn Tuấn	Xây dựng công trình	Xây dựng công trình	levantuan112@vnu.edu.vn

**Phụ lục 5 – Quy định xét cấp học bổng của ĐHQGHN cho nghiên cứu sinh
và thực tập sinh có năng lực nghiên cứu xuất sắc**

*(Kèm theo thông báo số /ĐT ngày tháng 04 năm 2022 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ)*

Đối tượng và điều kiện đăng ký xét cấp học bổng nghiên cứu sinh

1. Đối tượng đăng ký

Ứng viên đăng ký xét cấp học bổng nghiên cứu sinh là thí sinh có nguyện vọng dự tuyển đào tạo tiến sĩ hoặc nghiên cứu sinh đang tham gia chương trình đào tạo tiến sĩ tại đơn vị đào tạo thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội, có năng lực nghiên cứu tốt, có khả năng công bố quốc tế và cam kết đạt các chuẩn đầu ra theo Quy định này và Quy chế đào tạo tiến sĩ hiện hành của Đại học Quốc gia Hà Nội.

2. Điều kiện đăng ký

- a) Tuổi không quá 40 tính đến ngày quyết định công nhận nghiên cứu sinh;
- b) Có điểm trung bình chung học tập ở bậc đại học và thạc sĩ đạt tối thiểu từ 2.80 trở lên đối với ứng viên dự tuyển từ thạc sĩ; có điểm trung bình chung học tập ở bậc đại học đạt tối thiểu từ 2.80 trở lên đối với ứng viên dự tuyển từ cử nhân;
- c) Có đề cương nghiên cứu, trong đó dự kiến kế hoạch thực hiện để đạt được kết quả đầu ra của khóa đào tạo tiến sĩ tối thiểu như sau: Trong thời gian đào tạo, nghiên cứu sinh là tác giả chính (tác giả tên đầu/tác giả liên hệ) của tối thiểu 02 bài báo về kết quả nghiên cứu của luận án được đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành thuộc danh mục các tạp chí ISI/Scopus, trong đó ít nhất 01 bài đăng trên tạp chí được xếp hạng Q1 (đối với lĩnh vực khoa học tự nhiên và công nghệ) hoặc ít nhất 01 bài đăng trên tạp chí được xếp hạng Q2 trở lên (đối với các lĩnh vực khác);
- d) Có nhà khoa học có uy tín bảo trợ giới thiệu. Nhà khoa học bảo trợ không nhất thiết là người hướng dẫn luận án của nghiên cứu sinh;
- đ) Cam kết thực hiện các quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội về xét cấp học bổng cho nghiên cứu sinh có năng lực nghiên cứu xuất sắc *(theo mẫu tại Phụ lục 6)*;
- e) Ngoài các điều kiện trên, ứng viên là thí sinh đăng ký dự tuyển đào tạo tiến sĩ phải đáp ứng các điều kiện tuyển sinh theo Quy chế đào tạo tiến sĩ hiện hành; nghiên cứu sinh đang theo học chương trình đào tạo tiến sĩ phải còn thời gian học tập, nghiên cứu ít nhất từ 18 tháng trở lên trong thời gian đào tạo chuẩn theo quy định tính đến thời điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia chương trình học bổng.

Phụ lục 6

(Kèm theo thông báo số /ĐT ngày tháng 04 năm 2022 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ)

**CAM KẾT THỰC HIỆN QUY ĐỊNH
XÉT CẤP HỌC BỔNG DÀNH CHO NGHIÊN CỨU SINH/THỰC TẬP SINH
CÓ NĂNG LỰC NGHIÊN CỨU XUẤT SẮC¹**

Họ và tên nghiên cứu sinh/thực tập sinh:

Giới tính:

Ngày sinh:

Nơi sinh:

Chuyên ngành đăng ký dự tuyển:

Mã số:

Tôi đã tìm hiểu (Quy chế đào tạo tiến sĩ hiện hành và) Quy định xét cấp học bổng của Đại học Quốc gia Hà Nội dành cho nghiên cứu sinh và thực tập sau tiến sĩ có năng lực nghiên cứu xuất sắc và nội quy, quy định của <đơn vị đào tạo>. Tôi cam kết thực hiện các nội dung sau đây:

1. Đã tìm hiểu và có hiểu biết đầy đủ, sâu sắc khi đăng ký tham gia chương trình học bổng của Đại học Quốc gia Hà Nội dành cho nghiên cứu sinh và thực tập sinh sau tiến sĩ có năng lực nghiên cứu xuất sắc.

2. Tự nguyện, đồng thuận cao, trách nhiệm cao và quyết tâm cao với việc học tập, nghiên cứu đáp ứng yêu cầu của (Quy chế đào tạo tiến sĩ hiện hành và) quy định về xét cấp học bổng dành cho nghiên cứu sinh và thực tập sinh sau tiến sĩ có năng lực nghiên cứu xuất sắc.

3. Tuân thủ (Quy chế đào tạo tiến sĩ hiện hành và) quy định về xét cấp học bổng của Đại học Quốc gia Hà Nội dành cho nghiên cứu sinh và thực tập sinh sau tiến sĩ có năng lực nghiên cứu xuất sắc; chịu sự quản lý của đơn vị đào tạo trong thời gian học tập, nghiên cứu và thực hiện nghiêm túc Quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội, của đơn vị đào tạo, của nhóm nghiên cứu, cũng như thực hiện mọi nghĩa vụ theo quy định của Nhà nước và của Đại học Quốc gia Hà Nội.

4. Các công bố của tôi đều ghi tên đơn vị đào tạo thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội và chú thích là kết quả nghiên cứu được quỹ học bổng dành cho nghiên cứu sinh, thực tập sinh sau tiến sĩ có năng lực nghiên cứu xuất sắc của Đại học Quốc gia Hà Nội tài trợ theo quy định.

5. Nỗ lực học tập, nghiên cứu để hoàn thành chương trình đúng thời hạn quy định.

6. Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ về tài chính theo quy định của đơn vị đào tạo và của Đại học Quốc gia Hà Nội.

Hà Nội, ngày tháng năm

Nghiên cứu sinh/Thực tập sinh

(Ký tên và ghi rõ họ tên)

¹ Ứng viên điều chỉnh đơn theo đúng vị trí là nghiên cứu sinh hay thực tập sinh sau tiến sĩ